

BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ Ở ĐÔNG Á NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

Hoàng Văn Hiến¹, Dương Thị Thúy Hiền², Đoàn Minh Triết³

¹ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Học viện Chính trị Khu vực III

³ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Email: hvhien@hueuni.edu.vn,

thuyhien.hcma3@gmail.com,

dmtriet@huflis.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/6/2023; ngày hoàn thành phản biện: 23/6/2023; ngày duyệt đăng: 26/6/2023

TÓM TẮT

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tình hình chính trị ở Đông Á diễn biến phức tạp trong cuộc tranh giành phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn, đặc biệt trên bán đảo Triều Tiên - nơi được xem là "chìa khoá" để hiểu về quan hệ quốc tế ở khu vực này.

Bài viết phân tích về tình hình bán đảo Triều Tiên trong quan hệ quốc tế ở Đông Á trong giai đoạn lịch sử nói trên, bao gồm các nội dung chính: Vị trí chiến lược và bối cảnh lịch sử của bán đảo Triều Tiên; bán đảo Triều Tiên trong quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc và quan hệ giữa các nước lớn trong khu vực Đông Á với các cường quốc tư bản phương Tây nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Bán đảo Triều Tiên, Đông Á, quan hệ quốc tế.

1. VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC CỦA BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA TRIỀU TIÊN NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

Triều Tiên là một bán đảo thuộc khu vực Đông Bắc Á. Từ nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tuy không phải là một quốc gia rộng lớn, giàu tài nguyên và phát triển mạnh mẽ nhưng Triều Tiên lại có một vai trò rất đặc biệt trong quan hệ quốc tế ở khu vực này. Với ba mặt giáp biển, mặt còn lại giáp Trung Quốc nên Triều Tiên trở thành cầu nối giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Vai trò "cầu nối" của Triều Tiên được thể hiện thông qua quá trình "thu" và "phát" những yếu tố văn hoá từ phần lục địa ra hải đảo và một phần nào đó từ hải đảo vào lục địa. Nền văn hoá Trung Hoa tuy sức lan toả

mãnh liệt nhưng muốn đến được với Nhật Bản thì con đường chủ yếu là phải thông qua bán đảo Triều Tiên. Đồng thời, Nhật Bản muốn tạo nên những ảnh hưởng ở lục địa cũng phải thông qua Triều Tiên. Bởi thế, không phải ngẫu nhiên, trong suốt tiến trình lịch sử phát triển của mình, Triều Tiên đã chịu những tác động rất lớn từ bên ngoài mà đặc biệt là từ Trung Quốc và Nhật Bản. Triều Tiên đã nhiều lần trở thành bãi chiến trường trong những cuộc tranh giành phạm vi ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Nhật Bản và chính điều này tạo nên một nét rất độc đáo trong quan hệ quốc tế ở Đông Á.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, lịch sử Triều Tiên có những biến động to lớn. Cuộc đấu tranh giành quyền lực trong nội bộ Hoàng cung diễn ra mạnh mẽ, nhiều phe phái có xu hướng dựa vào các thế lực bên ngoài giành ưu thế và củng cố địa vị của mình. Năm 1864, khi mới 12 tuổi, Cao Tông được đưa lên ngai vàng nhưng quyền lực thực sự nằm trong tay của Nhiếp chính Đại Viện Quân. Để củng cố và mở rộng quyền lực, Đại Viện Quân đã đặt ra một chương trình cải tổ nhằm tạo nên một nền quân chủ vững mạnh. Đầu tiên, Đại Viện Quân tiến hành bổ nhiệm các viên chức cao cấp mới bất chấp quan hệ phe phái hay tầng lớp xã hội của họ nhằm phá vỡ ảnh hưởng của các dòng họ quý tộc quyền thế, tổ chức lại chính quyền, xây dựng lại lực lượng quân đội và đặt pháo đài ở các vị trí trọng yếu. Hơn nữa, để hạn chế ảnh hưởng từ các nước phương Tây, Đại Viện Quân tiếp tục thực hiện triệt để lệnh cấm đạo Thiên Chúa (năm 1839 chính quyền Triều Tiên đã ra lệnh “*cấm đạo*”). Cùng với chính sách cấm đạo, chính quyền cũng thực hiện “*bế quan tỏa cảng*” trong giao thương với phương Tây. Trong bối cảnh đó, tuy các nước phương Tây tăng cường xâm nhập Triều Tiên nhưng vẫn không đạt được mục đích của họ. Lúc này, Triều Tiên chủ yếu chỉ quan hệ với nhà Thanh, Trung Quốc. Tuy nhiên, vào năm 1873, Triều Tiên không thể tiếp tục thi hành chính sách ngoại giao hạn chế được nữa vì Đại Viện Quân đã mất vai trò ảnh hưởng trên chính trường Triều Tiên.

Trong khi triều đình đang rối ren thì bên ngoài các tàu ngoại quốc liên tiếp xuất hiện gây áp lực mở cửa, đe dọa đến nền độc lập của Triều Tiên. Đặc biệt là không chỉ có các nước phương Tây, Nhật Bản cũng đã sẵn sàng theo đuổi một chính sách chủ động và mạnh mẽ đối với Triều Tiên. Nhật Bản ngoài ý định ràng buộc Triều Tiên phải mở cửa buôn bán với mình, nước này còn để lộ tham vọng xâm lược Triều Tiên, vấn đề duy nhất là tìm cơ hội cho phù hợp [2, tr.389].

Lợi dụng chính sách “*bế quan tỏa cảng*” của Triều Tiên bị phá vỡ cùng những rối ren trong nội bộ của triều đình, những tranh chấp trên bán đảo Triều Tiên đã diễn ra phức tạp, trở thành nét nổi bật trong quan hệ quốc tế trong và ngoài khu vực Đông Á vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

2. BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN TRONG QUAN HỆ NHẬT - TRUNG CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

Sau cuộc cải cách Minh Trị nổi tiếng trong lịch sử (1868), xã hội Nhật Bản biến đổi khá toàn diện. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Nhật Bản trở thành một nước tư bản có nền công nghiệp phát triển và hiện đại. Điều này giúp cho Nhật Bản có thể sánh ngang với các cường quốc Âu - Mỹ lúc bấy giờ. Song, sự lớn mạnh về kinh tế chưa đủ làm thoả mãn những tham vọng của chính quyền Minh Trị mà chính quyền này còn có tham vọng lớn hơn là trở thành cường quốc quân sự, chinh phục thuộc địa, tăng sức mạnh tự bảo vệ của mình trên thế giới và là cơ sở quan trọng để Nhật Bản xoá bỏ những hiệp ước bất bình đẳng đã ký với phương Tây [3, tr.6].

Trong con mắt của các chiến lược gia Nhật Bản lúc bấy giờ, Triều Tiên là đối tượng đầu tiên cần chinh phục, từ đó Nhật Bản sẽ sử dụng khu vực này làm bàn đạp để mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài. Sau khi kết thúc cuộc xung đột Đài Loan (1874) với Trung Quốc và giành thắng lợi, Nhật Bản đã tận dụng thế mạnh đó cùng với những thay đổi trong nội bộ của triều đình Triều Tiên để ép Triều Tiên phải ký một điều ước thương mại. Tháng 9/1875, thực hiện mục tiêu xâm lược Triều Tiên, Nhật Bản điều chiến hạm vào đảo Giang Hoa cố ý gây ra “*Sự kiện Vân Dương*” và sự kiện này diễn ra đúng như kịch bản của Nhật Bản. Trong khi đó, triều đình Mãn Thanh - người bảo hộ chính cho Triều Tiên lại coi sự va chạm này là công việc nội bộ của Triều Tiên nên không chịu trách nhiệm về những hậu quả mà Triều Tiên gây ra. Vì thế, Nhật Bản đã đạt được mục đích của mình là can thiệp sâu vào công việc nội bộ của Triều Tiên.

Tháng 02/1876, Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản là Inoue Kaoru đã tới Triều Tiên, buộc Triều Tiên phải ký Hiệp ước Giang Hoa gồm 13 điều khoản quy định:

Triều Tiên phải mở cửa các hải cảng Phú Sơn, Nhân Xuyên và Nguyên Sơn cho Nhật Bản tự do buôn bán. Nhật Bản được đặt sứ quán ở Triều Tiên, được ưu đãi thuế quan và có quyền lãnh sự tài phán. Đồng thời, để tranh giành ảnh hưởng với nhà Thanh, Hiệp ước Giang Hoa ghi rõ “*Triều Tiên là một quốc gia độc lập, tự chủ, có quyền bình đẳng với nước Nhật*” [5, tr.120].

Như vậy, Hiệp ước Giang Hoa “*đã tạo ra những thay đổi trong quan hệ hai nước*” [1, tr.118], Nhật Bản đã tạo được vị thế hợp pháp trong quan hệ với Triều Tiên và can thiệp sâu hơn vào nội bộ của nước này. Thực chất là chính quyền Minh Trị đã đạt được mục tiêu đầu tiên trong chính sách đối ngoại bành trướng xâm lược tại khu vực. Hiệp ước này đã đặt những cơ sở pháp lý đầu tiên để Nhật Bản biến Triều Tiên thành thuộc địa. Vì thế, những vấn đề diễn ra trên bán đảo Triều Tiên đã khiến cho quan hệ Nhật - Trung thực sự nóng lên. Mặt khác, có thể thấy đây không phải là một nước phương Tây mở cửa Triều Tiên, mà chính là Nhật Bản - một nước láng giềng của Triều Tiên. Nhật Bản không chỉ loại bỏ được ảnh hưởng của Trung Quốc tại Triều Tiên, mà còn

tận dụng bàn đạp Triều Tiên để tranh giành quyền lợi với các nước thực dân phương Tây trên lãnh thổ Trung Quốc.

Với Trung Quốc, sau khi thất bại trong cuộc chiến tranh Nha phiến (1840 - 1842), nước này đã nhanh chóng trở thành “*chiếc bánh ngọt*” cho các cường quốc phương Tây xâu xé. Triều đình Mãn Thanh ngày càng trở nên suy yếu và bạc nhược nhưng vẫn không từ bỏ tham vọng kiểm soát các quốc gia láng giềng. Vì thế, sau khi hậu thuẫn Hoàng hậu Min trở lại cai trị, triều đình Mãn Thanh buộc Triều Tiên phải ký một Hiệp định thương mại mới cho phép người Trung Quốc tự do đi lại, cư trú và kinh doanh ở Triều Tiên và vẫn coi Triều Tiên là một quốc gia thần thuộc nằm trong phạm vi ảnh hưởng truyền thống của mình. Không những thế, để tạo ra đối trọng giữa các nước phương Tây với Nhật Bản, Trung Quốc còn ép Triều Tiên ký một loạt hiệp ước bất bình đẳng mở cửa giao thương và nhượng bộ quyền lãnh sự tài phán với các nước phương Tây (với Mỹ năm 1882, với Anh năm 1882, với Nga năm 1884, với Pháp năm 1886...)

Sau Hiệp ước Giang Hoa, nội bộ triều đình Triều Tiên chia làm hai phái. Phái bảo thủ tập hợp xung quanh Hoàng hậu Min thì ngả về nhà Thanh, còn phái cải cách do Kim Ngọc Quân (1815 - 1894) đứng đầu thì chủ trương dựa vào Nhật Bản để đưa Triều Tiên phát triển theo con đường của Nhật Bản. Do đó, Nhật Bản càng có cơ hội để gây ảnh hưởng mạnh mẽ tại Triều Tiên. Đồng thời, với sự chia rẽ trong nội bộ triều đình Triều Tiên, mối quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc ngày càng phức tạp hơn, thể hiện qua những tranh chấp xung đột đan xen những hoà hoãn tạm thời trên bán đảo Triều Tiên.

Để thực hiện giấc mộng Đại Đông Á đầy tham vọng, Nhật Bản nhận thức được rằng sau khi đưa Triều Tiên vào trong vòng ảnh hưởng và thống trị của mình thì một cuộc chiến tranh với triều đình Mãn Thanh là không thể tránh khỏi, vì thế, chính quyền Minh Trị không ngừng chuẩn bị cho cuộc chiến tranh đó.

Ngày 14/12/1884, để loại trừ ảnh hưởng của Trung Quốc ra khỏi Triều Tiên và cột chặt Triều Tiên phụ thuộc vào mình, Nhật Bản đã hậu thuẫn cho phái thân Nhật trong chính quyền Triều Tiên tiến hành một cuộc chính biến. Không chịu thua, phái bảo thủ đã cầu cứu nhà Thanh và quân đội nhà Thanh đã dập tắt cuộc chính biến. Để đáp lại cho những hành động đó của nhà Thanh, Nhật Bản cũng đã điều quân đội đến Triều Tiên, tuyên bố cắt đứt quan hệ với nhà Thanh và tuyên bố Triều Tiên là một quốc gia độc lập. Cuộc đảo chính về phía Triều Tiên là cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng cải cách và bảo thủ, nhưng trên bình diện quan hệ quốc tế tại khu vực vực nó lại phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt giữa Nhật Bản và Trung Quốc nhằm tranh giành ảnh hưởng trên bán đảo Triều Tiên.

Sau cuộc đảo chính này, tháng 01/1885 Triều Tiên đã phải ký với Nhật Bản Hiệp ước Hán Thành, bồi thường chiến phí cho Nhật Bản 110 nghìn yên. Mặt khác,

chính phủ Nhật Bản cử Ito Hirobumi ký với Lý Hồng Chương - đại diện nhà Thanh Hiệp ước Thiên Tân (4/1885) với nội dung là: *Hai bên thoả thuận sẽ rút quân khỏi bán đảo Triều Tiên, đồng thời sẽ thông báo bằng văn bản cho nhau biết khi có ý định đưa quân vào bán đảo Triều Tiên. Nhật Bản thừa nhận quyền lực tối cao của nhà Thanh ở Triều Tiên, nhà Thanh thừa nhận đặc quyền của Nhật ở đây* [5, tr.122]. Những điều khoản trên của Hiệp ước này thể hiện một thứ quan hệ hết sức bất bình đẳng, Triều Tiên không còn quyền quyết định bất cứ vấn đề gì liên quan đến quyền lợi quốc gia nữa. Mọi quyết định đều thuộc về Trung Quốc và Nhật Bản. Mặt khác, hiệp ước này tạm thời cân bằng quyền lợi của Nhật Bản và Trung Quốc trên bán đảo Triều Tiên. Dù vậy, do chưa đạt được mục đích là nắm quyền thống trị ở Triều Tiên bằng con đường quân sự và chính trị nên sau đó Nhật Bản tăng cường xâm nhập về kinh tế để tăng thực lực cho mình ở đây. Trong giai đoạn 1885 - 1890, hàng hóa của Nhật Bản trao đổi với Triều Tiên nhiều hơn gấp 2 lần của Trung Quốc và ngân hàng Nhật Bản cũng đã khống chế nhiều ngành kinh tế của Triều Tiên. Sự xâm nhập sâu sắc về kinh tế của Nhật Bản ở Triều Tiên chính là đặt những cơ sở to lớn để Nhật thực hiện mục tiêu biến Triều Tiên thành thuộc địa của mình.

Nhân sự kiện khởi nghĩa của phái “*Đông học*” ở Triều Tiên (01/1894), chính quyền phong kiến Triều Tiên đã cầu cứu nhà Thanh nên tháng 6/1894, nhà Thanh đã đưa quân đội đổ bộ vào Nha Sơn. Đáp lại hành động vi phạm điều ước đã kí trước đây của triều đình Mãn Thanh, Nhật Bản cũng đã điều quân vào Triều Tiên và bắt ngờ tấn công quân Trung Quốc. Hệ quả của những hành động tấn công lẫn nhau giữa Nhật Bản và Trung Quốc trên bán đảo Triều Tiên đã dẫn đến cuộc chiến tranh Trung - Nhật (25/7/1894). Bán đảo Triều Tiên lại trở thành bãi chiến trường trong cuộc đấu tranh tranh giành phạm vi ảnh hưởng giữa Nhật Bản và Trung Quốc.

Với ưu thế hơn hẳn, chỉ sau vài tháng tham chiến, Nhật Bản đã chiếm được các vị trí quan trọng như bán đảo Liêu Đông, cảng Lữ Thuận, đảo Bành Hồ và buộc Trung Quốc không còn con đường nào khác là giảng hoà. Ngày 17/4/1895, Trung Quốc buộc phải ký với Nhật Bản Hiệp ước Mã Quan (Shimonoseki) theo đó nhà Thanh phải:

- Công nhận Triều Tiên là một nước độc lập (thực tế là trong vòng ảnh hưởng của Nhật Bản).
- Cắt cho Nhật Bản các đảo Đài Loan, Bành Hồ, bán đảo Liêu Đông.
- Bồi thường chiến phí cho Nhật Bản (200 triệu lạng bạc, trả trong vòng 8 năm).
- Trung Quốc mở cửa biển cho Nhật Bản giao thương buôn bán.
- Nhật Bản được hưởng quyền tối huệ quốc và nhà Thanh phải ký những hiệp ước thông thương về hàng hải với Nhật Bản tương tự như nhà Thanh đã ký với các nước phương Tây [5, tr.124].

Hiệp ước Mã Quan là một thắng lợi to lớn của Nhật Bản vì Nhật Bản đã loại trừ được hoàn toàn ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Triều Tiên, xác lập được vị thế khu vực của mình. Mặt khác, hiệp ước này đã phơi bày tất cả những yếu kém của Trung Quốc. Nhà Thanh buộc phải ký một hiệp ước bất bình đẳng với Nhật Bản - một nước châu Á mà người Trung Quốc vốn vẫn xem là Di. Thực tế này cho thấy, vai trò nước lớn của Trung Quốc ở châu Á và Đông Á giờ đây phải nhìn theo một chiều hướng khác. Quan hệ Trung - Nhật đã có những thay đổi căn bản khác trước. Xét trên bình diện quan hệ quốc tế trong nội bộ khu vực Đông Á nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một tương quan lực lượng mới được hình thành, trong đó Nhật Bản đã xác lập được vai trò chi phối, ngược lại Trung Quốc đã mất đi vai trò này. Đây có thể xem là sự thay đổi có tính chất bước ngoặt trong khu vực vì trong hàng chục thế kỷ trước đó hay có thể nói hầu như suốt thời đại phong kiến, Trung Quốc luôn đóng vai trò là một cường quốc trong khu vực cả về kinh tế, chính trị và quân sự lẫn văn hoá - tư tưởng. Thế nhưng, từ nay, vai trò đó của Trung Quốc phải nhường chỗ cho Nhật Bản, một cường quốc trẻ mới trỗi dậy [5, tr.125].

Có thể thấy, bán đảo Triều Tiên trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã chịu rất nhiều tổn thất trong cuộc đấu tranh giành phạm vi ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Mỗi quan hệ giữa hai quốc gia trong giai đoạn này chủ yếu là đối đầu. Không chỉ vậy, việc Nhật Bản đánh bại Trung Quốc tại Triều Tiên cũng như đánh bại Trung Quốc trên chính lãnh thổ Trung Quốc đã giúp cho Nhật Bản khẳng định được sức mạnh của mình. Và họ cho rằng họ hoàn toàn có thể kiêu hãnh khi đã tự tách mình ra khỏi một châu Á lạc hậu và chậm tiến, buộc các cường quốc phương Tây phải thừa nhận địa vị ngang hàng của Nhật Bản và quốc gia này chắc chắn là một nhân tố không thể thiếu trong sự vận động của cục diện quan hệ quốc tế Đông Á nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

3. BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN TRONG QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC LỚN TRONG KHU VỰC ĐÔNG Á VỚI CÁC CƯỜNG QUỐC TƯ BẢN PHƯƠNG TÂY NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

Như đã đề cập ở trên, đến giữa thế kỷ XIX, các nước phương Tây bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới việc mở cửa Triều Tiên. Năm 1845, cùng lúc thương thuyền Anh ghé đến buôn bán thì tàu chiến Anh cũng hiện diện gần đảo Tế Châu với lý do khảo sát hải phận Triều Tiên. Bên cạnh đó, thương thuyền Pháp, Mỹ và tàu chiến Nga cũng đã đến Triều Tiên. Mặc dù vậy, Triều Tiên tỏ ra khá dè dặt trong quan hệ với các nước này sau khi biết rõ số phận của Trung Quốc, thậm chí còn theo đuổi chính sách cô lập để không bị lôi kéo vào các quan hệ đối ngoại xa lạ và nước này cũng xem việc từ chối các đề nghị của phương Tây như là một cách thức để ngăn ngừa những tai họa có thể xảy ra. Chính thái độ cương quyết, sự kháng cự mạnh mẽ của Triều Tiên đã làm cho các nước

phương Tây thất bại trong việc buộc Triều Tiên phải mở cửa giao thương. Sự thất bại này mặt khác cũng còn do các nước phương Tây chưa thật sự quyết tâm chiếm bằng được Triều Tiên vì họ còn có nhiều mối bận tâm khác ngoài Triều Tiên (Pháp bận rộn với việc mở rộng chiến tranh ở Việt Nam; Anh tập trung điều chỉnh chính sách cai trị tại Ấn Độ; Nga đang mài miết theo đuổi các vấn đề tại Trung Quốc...).

Tuy nhiên, sau khi Nhật Bản theo đuổi một chính sách mạnh mẽ và chủ động đối với Triều Tiên nhằm đặt bán đảo này dưới sự “bảo hộ” của mình như một “*thiên triều mới*” thế chỗ cho nhà Thanh thì các nước phương Tây dần dần đẩy mạnh chính sách can dự hơn vào Triều Tiên. Họ đã dựa vào Trung Quốc để buộc Triều Tiên phải ký các hiệp ước bất bình đẳng. Những hiệp ước này đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Triều Tiên. Triều Tiên giờ đây ngoài sự lệ thuộc có tính chất “*truyền thống*” vào nhà Thanh, còn lệ thuộc vào Nhật Bản và các cường quốc phương Tây. Bởi thế, lãnh thổ Triều Tiên không chỉ còn là nơi tranh chấp ảnh hưởng giữa các nước trong khu vực nữa, mà đã trở thành địa bàn tranh chấp quyết liệt của các nước lớn Âu - Á, trước hết là tranh chấp Nhật - Nga.

Sau Hiệp ước Giang Hoa (1876), khi Nhật Bản công nhận Triều Tiên là một nước độc lập, tự chủ, có quyền bình đẳng với Nhật Bản thì không những quyền lợi của nhà Thanh ở đây bị mất đi mà quyền lợi của Nga và một số nước phương Tây khác cũng bị đe dọa. Song Anh, Pháp, Đức lại không có hành động mạnh mẽ với Nhật vì đang muốn lợi dụng Nhật Bản để kiềm chế ảnh hưởng của Nga ở khu vực này. Nhưng đối với Nga thì khác, từ lâu nước này đã muốn chiếm bán đảo Triều Tiên để mở đường cho công cuộc mở rộng ảnh hưởng xuống phía Nam của mình. Sau Hiệp ước Triều Tiên buộc phải ký với Nga năm 1884, phái thân Nga trong triều đình Triều Tiên ngày càng chiếm ưu thế.

Dù vậy, Nga vẫn chưa có những đặc quyền thực sự ở Triều Tiên. Mãi đến năm 1888, khi Hiệp định thương mại mới được ký kết giữa Nga và Triều Tiên thì Nga mới bắt đầu có những đặc quyền tại đây. Theo Hiệp định này, người Nga được cư trú trong khu định cư lãnh thổ mở rộng và Triều Tiên dành cho Nga quyền hàng hải trên sông Tumen [2, tr.407]. Ngoài ra, Nga còn ký hiệp ước bí mật với nhà Thanh để chống lại Nhật Bản.

Sự xâm nhập của Nga vào Triều Tiên đã khuấy động cả Trung Quốc lẫn Anh. Để đối đầu với Nga dọc theo vành đai phía Nam của mình, Anh không thể coi thường sự Nam tiến của Nga vào Triều Tiên. Năm 1885, Anh đã cử một lực lượng hải quân chiếm đảo Cự Vãn để chuẩn bị đối phó với Nga. Nhận thức được sự lâm nguy của mình trước những tham vọng và tranh giành của các cường quốc, Triều Tiên đã nghĩ đến việc thiết lập quan hệ thân thiết hơn với Mỹ (năm 1877, Triều Tiên cử Pakchong Yang đi Mỹ). Những điều trên đây cho thấy Triều Tiên đã không còn tự định đoạt được số phận của mình mà thực sự là các cường quốc với những động cơ tự lợi là

những kế định đoạt. Sự có mặt của các cường quốc phương Tây ở bán đảo này làm cho quan hệ quốc tế ở Đông Á càng trở nên phức tạp hơn.

Sau khi chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) kết thúc, phần thắng thuộc về Nhật Bản. Hiệp ước Mã Quan (17/4/1894), trong đó có điều khoản công nhận Triều Tiên là một quốc gia độc lập nhưng thực chất là trong vòng ảnh hưởng của Nhật. Điều này càng làm cho mâu thuẫn Nhật - Nga thêm căng thẳng vì từ lâu Nga đã có tham vọng đối với Triều Tiên và bán đảo Liêu Đông (Trung Quốc) nay lại thuộc về Nhật Bản. Dù Nga và Nhật đã ký kết Hiệp ước quyền bình đẳng ngang hàng nhau trên bán đảo Triều Tiên năm 1896 [2, tr.407]. Nhưng trên thực tế, Nga không ngừng bành trướng thế lực của mình ở Triều Tiên và ép Nhật nhường lại bán đảo Liêu Đông. Để đối phó với tình hình này, Nhật Bản đã chủ trương liên minh với Anh. Chủ trương này xuất hiện đúng vào thời điểm Anh cần tập hợp lực lượng để đối trọng với Đức và kiềm chế Nga nhằm bảo vệ những lợi ích của Anh. Tháng 7/1902, Hiệp ước Đồng minh Nhật - Anh được ký kết. Đây là hiệp ước quân sự bình đẳng đầu tiên giữa một nước châu Á với một nước phương Tây [3, tr.65].

Sau khi Hiệp ước Anh - Nhật được ký kết, Nhật Bản cũng đã tìm cách thương lượng đối với Nga vì thực ra Nhật Bản chưa thể tiến hành ngay cuộc chiến tranh lúc này mà cần thời gian chuẩn bị mọi mặt. Mọi cố gắng của Nhật Bản đều không đạt kết quả do các cuộc đàm phán với Nga đều thất bại. Do đó, một khi nhận thức được tiếp tục duy trì quan hệ với Nga trở nên khó khăn hơn, Nhật Bản đã tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Nga. Sau đó, ngày 16/02/1904, chính quyền Minh Trị tuyên chiến với Nga. Đây là cuộc chiến tranh giữa Nhật và Nga nhưng chiến trường là trên bán đảo Triều Tiên và Trung Quốc. Như vậy, một lần nữa Triều Tiên lại trở thành bãi chiến trường trong cuộc tranh giành quyền lực giữa các nước lớn.

Cũng giống như cuộc chiến tranh Nhật - Trung, cuộc chiến tranh Nhật - Nga kết thúc sau hơn một năm và phần thắng thuộc về Nhật. Ngày 05/9/1905, Hoà ước Nga - Nhật (Hoà ước Port Smouth) được ký kết, trong đó có điều khoản Nga công nhận quyền "*bảo hộ*", thực chất là quyền bá chủ của Nhật Bản ở Triều Tiên.

Hiệp ước này là sự thắng lợi của Nhật Bản vì nó đã làm tăng vị thế của nước này trên trường quốc tế, Nhật Bản có thể sánh ngang hàng với các cường quốc phương Tây và có thể công khai tự do hành động trong việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong những năm đầu thế kỷ XX [7, tr.50].

Như vậy, chỉ trong vòng 50 năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, bán đảo Triều Tiên đã phải hứng chịu biết bao tổn thất do việc tranh giành phạm vi ảnh hưởng giữa các nước trong khu vực và ngoài khu vực. Những vấn đề xảy ra trên bán đảo Triều Tiên trong thời gian này rất điển hình cho quan hệ quốc tế nói chung, đó là quan hệ lục địa với hải đảo, giữa nước lớn với nước nhỏ. Trước những quan hệ lợi ích đan xen chông chéo giữa các nước lớn, lợi ích quốc gia của Triều Tiên hầu như không được xét

đến. Bởi vậy, có thể khẳng định những gì diễn ra trên bán đảo Triều Tiên giai đoạn này là bức tranh thu nhỏ những mối quan hệ phức tạp của Đông Á cận đại và dường như những dấu ấn của sự phức tạp này vẫn ẩn hiện đâu đó trong các mối quan hệ quốc tế ở Đông Á ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hàn Quốc - đất nước và con người (Kiến Văn, Nguyễn Anh Dũng biên dịch) (2010), Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [2]. Ki baik Lee (người dịch Lê Anh Minh) (2002), Lịch sử Hàn Quốc tân biên, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3]. Hoàng Minh Lợi (2002), “Đường lối chính trị đối ngoại và quân sự của chính quyền Minh Trị thời kì 1886-1912”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, Số 5(41), tháng 10/2002.
- [4]. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2001), Lịch sử thế giới cận đại, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Lê Văn Quang (1993), Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á trong lịch sử, Nxb. Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
- [6]. Lê Văn Quang (1997), Lịch sử Nhật Bản, Tủ sách Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Nguyễn Văn Tận (2000), “Nhìn lại chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và hệ quả của nó”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản*, số 4(28).

**THE KOREAN PENINSULA
IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL RELATIONS
IN EAST ASIA FROM THE SECOND HALF OF THE 19TH CENTURY
TO THE EARLY 20TH CENTURY**

Hoang Van Hien¹, Duong Thi Thuy Hien², Doan Minh Triet³

¹ University of Sciences, Hue University

² Region III Political Academy

³ University of Foreign Language, Hue University

Email: hvhien@hueuni.edu.vn,

thuyhien.hcma3@gmail.com,

dmtriet@huflis.edu.vn

ABSTRACT

From the second half of the 19th century to the beginning of the 20th century, the political situation in East Asia was complicated by the competition for spheres among major powers, particularly on the Korean peninsula, which was considered the “key” to understand international relations in this region.

The article is to analyze the situation of the Korean peninsula in the context of international relations in East Asia during the historical period mentioned above, including the strategic position and historical context of the Korean peninsula, relations between the Korean peninsula and Japan-China, and relations between major East Asian countries and Western capitalist powers from the second half of the 19th century to the beginning of the 20th century.

Keywords: Korean peninsula, East Asia, international relations.



Hoàng Văn Hiến sinh ngày 02 tháng 8 năm 1962. Ông tốt nghiệp cử nhân năm 1988 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và nhận học vị tiến sĩ năm 2001 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2009, ông nhận học hàm phó giáo sư. Hiện nay ông công tác tại Trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế, lịch sử Việt Nam và văn hóa học.



Dương Thị Thúy Hiền sinh ngày 04 tháng 01 năm 1983. Năm 2007, bà tốt nghiệp Cử nhân Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Thế giới tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2001, bà nhận học vị Thạc sĩ chuyên ngành Châu Á học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2001, bà nhận học vị Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Thế giới tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện là Giảng viên, công tác tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khu vực III.

Lĩnh vực nghiên cứu: Quan hệ quốc tế, Lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam, Khu vực học.



Đoàn Minh Triết sinh ngày 19/9/1991 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2013, ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Đông phương học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Ông nhận học vị Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Thế giới năm 2022 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay, ông công tác tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Khu vực học, Việt Nam học, Quốc tế học.

